TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15-7-2019.
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Thức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Văn Ghên.

2. Bà: Nguyễn Thị Rạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 15/7/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 462 /2019/TLST-HNGĐ ngày 08/5/2019 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/6/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2019/QĐST- HNGĐ ngày 24/6/2019, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Chị Đinh Thị B, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Tạm trú: Ấp A, xã B, huyện B, Tp.Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Vủ L, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Tạm trú: Ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Các đương sự có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 18/4/2019 và những lời khai tiếp theo, chị Đinh Thị B, trình bày:

Chị và anh Nguyễn Vủ L chung sống với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chị B cho rằng do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm; anh L không chí thú làm ăn, ham mê cờ bạc mặc dù chị đã khuyên can nhiều lần nhưng anh L vẫn không thay đổi tâm tính nên chị và anh L đã ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn.

Về con chung: Chị B khai chị và anh L có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 03/4/2015, hiện đang sống với chị. Khi ly hôn, chị B xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị B khai không có.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Vủ L trình bày:

Anh thống nhất với ý kiến và lời trình bày của chị B về thời gian, điều kiện kết hôn, về con chung, tài sản chung, nợ chung cũng như nguyên nhân mâu thuẫn gia đình là đúng. Nay, chị B xin ly hôn, anh không đồng ý và xin hàn gắn, đoàn tụ.

Nếu Tòa án có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B thì anh xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị B cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ: Anh L thống nhất khai không có.

Tòa án có tiến hành hòa giải nhưng đoàn tụ không thành và tranh chấp quyền nuôi con.

Tại phiên tòa, chị B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai công khai tại phiên toà, trên cơ sở trình bày của đương sự, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về thủ tục tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án*:

Chị Đinh Thị B xin ly hôn với anh Nguyễn Vủ L, anh L hiện đang tạm trú tại xã B, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại các điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. *Về nội dung*,

[2.1] *Về hôn nhân*: Chị Đinh Thị B và anh Nguyễn Vủ L chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2015 là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 09 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trước tòa, chị B xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn. Anh Nguyễn Vủ L không đồng ý ly hôn và xin hàn gắn, đoàn tụ nhưng quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh L không đưa ra những giải pháp nào để hàn

gắn, đoàn tụ trong khi chị B cương quyết xin ly hôn. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị B và anh L không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị B xin ly hôn là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về con chung*: Chị B và anh L đều thống nhất khai có một con chung là cháu Nguyễn Bảo Ngọc, sinh ngày 12/10/2015; hiện con đang sống với chị B. Khi ly hôn, các đương sự đều tranh chấp quyền nuôi con. Theo lời trình bày của chị B và anh L thì cả hai đều đang làm công nhân, có nguồn thu nhập ổn định. Tuy nhiên, cháu Ngọc là trẻ em gái, tuổi còn nhỏ nên rất cần sự chăm sóc nuôi dưỡng trực tiếp từ người mẹ. Do vậy, Hội đồng xét xử giao cháu N chọ chị B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] *Về cấp dưỡng*: Chị B không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.4] *Về tài sản chung, nợ*: Các đương sự thống nhất khai không có.

[3]. *Về án phí*: Chị Đinh Thị B phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước là đúng quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 63, 147, 222, 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 09, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 85 và 86 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

***Tuyên xử*:**

1. Về hôn nhân:

Chị Đinh Thị B được ly hôn với anh Nguyễn Vủ L.

2. Về con chung: Chị Đinh Thị B được quyền trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn Bảo Ngọc, sinh ngày 03/4/2015. Anh Nguyễn Vủ L không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị B không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức hoặc cha, mẹ có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phải xem xét nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ thi hành án mà chậm thi hành còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất được

quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

Chị Đinh Thị B phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước nhưng được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004596 ngày 06/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, sang án phí để thi hành.

4. Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Văn Công Thức